

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

Số: 77551/CT-TTHT
V/v thuế nhà thầu đ/v sản phẩm thẻ Gift card

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2020

Kính gửi: Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số
Đ/c: Số 23 Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
MST: 0100110006-028

Trả lời công văn số 385/ITC-TTĐT ngày 24/7/2020 của Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số (sau đây gọi là Công ty) hỏi về thuế nhà thầu đối với sản phẩm thẻ Gift card, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Điều 1 hướng dẫn đối tượng áp dụng:

“Hướng dẫn tại Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau (trừ trường hợp nêu tại Điều 2 Chương I):

1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu...”

+ Tại Điều 8 quy Mục 2 quy định đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế GTGT, nộp thuế TNDN theo phương pháp kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế:

“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo hướng dẫn tại Mục 2 Chương II nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- 1. Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam;*
- 2. Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực;*
- 3. Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế, được cơ quan thuế cấp mã số thuế.”*

+ Tại Điều 11 hướng dẫn đối tượng và điều kiện áp dụng nộp thuế GTGT, TNDN theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu:

“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II.”

+ Tại Khoản 2 Điều 12 hướng dẫn tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:

a) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT
1	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	5
2	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa; xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	3
3	Hoạt động kinh doanh khác	2

+ Tại Khoản 2 Điều 13 hướng dẫn tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế:

“a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
1	Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị; phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị gắn với dịch vụ tại Việt Nam {bao gồm cả cung cấp hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ (trừ trường hợp gia công hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài); cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của Các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms}	1
2	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan	5
	Riêng:	10
	- Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino;	
	- Dịch vụ tài chính phái sinh	2

3	Cho thuê tàu bay, động cơ tàu bay, phụ tùng tàu bay, tàu biển	2
4	Xây dựng, lắp đặt có bao thầu hoặc không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	2
5	Hoạt động sản xuất, kinh doanh khác, vận chuyển (bao gồm vận chuyển đường biển, vận chuyển hàng không)	2
6	Chuyển nhượng chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi, tái bảo hiểm ra nước ngoài, hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	0,1
7	Lãi tiền vay	5
8	Thu nhập bản quyền	10

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Nhà cung cấp sản phẩm thẻ quà tặng (Nhà thầu nước ngoài) phát sinh thu nhập từ bán thẻ quà tặng tại Việt Nam thì thu nhập của nhà thầu nước ngoài chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư 103/2014/TT-BTC.

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài không đáp ứng điều kiện kê khai, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Thông tư 103/2014/TT-BTC thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ, nộp thay thuế nhà thầu trước khi thanh toán cho nhà thầu nước ngoài với tỷ lệ % thuế GTGT và thuế TNDN theo quy định tại Điều 12, 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC nêu trên.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế, đối chiếu với các văn bản pháp luật để xác định bản chất ngành kinh doanh của hoạt động bán thẻ quà tặng của Nhà cung cấp nước ngoài, trên cơ sở đó thực hiện nghĩa vụ thuế theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 3 để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TKT 3;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Tiến Trường